

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Mua sắm bổ sung Vật tư y tế, hóa chất của Bệnh viện II Lâm Đồng năm 2026.
- Tên gói thầu: Gói thầu Mua sắm bổ sung Vật tư y tế, hóa chất của Bệnh viện II Lâm Đồng năm 2026.
- Tên bên mời thầu: Bệnh viện II Lâm Đồng
- Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Số lượng mặt hàng: 66 mặt hàng chia thành 60 phần lô.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 08 tháng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế Việt Nam.
- Đáp ứng đúng về chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- Hàng hóa có nhãn với đầy đủ thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn mác hàng hóa
- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại Mẫu số 01A và 01B
- Hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
1	Clip titan kẹp mạch máu			
1.1		Clip titan kẹp mạch máu	Clip kẹp giữ mạch máu bằng titan, tháo lắp được, xoay tròn được, có chốt cài để khóa tương thích với kẹp KARL STORZ	Châu Âu, Châu Mỹ, G7
2	Đầu phun khí dung			
2.1		Đầu phun khí dung	Đầu phun khí dung - Kích thước: 70 x 50 x 25 mm ($\pm 10\%$) - Khối lượng: ≤ 15 gr - Thể tích chứa thuốc: ≥ 5 ml - Kích thước hạt trung bình: 3.0 - 3.2 μm - Tốc độ phun thuốc: ≥ 0.2 mL/phút - Thể tích cặn: ≤ 0.1 ml khi phun	
3	Gạc dẫn lưu 0,75cm x 2m x 4			

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
	lốp			
3.1		Gạc dẫn lưu 0,75cm x 2m x 4 lớp	Gạc y tế được dệt từ sợi vải không dệt, tiệt trùng 100%. Kích thước: 0,75cm x 2m x 4 lớp. Tiệt trùng bằng khí EO-Gas	
4	Gạc ép sọ 1cm x 8cm x 4 lớp			
4.1		Gạc ép sọ 1cm x 8cm x 4 lớp	Làm từ gạc không dệt hút nước và có độ thấm hút rất cao. Kích thước 1x8cm, 4 lớp, sợi cân quang, tiệt trùng.	
5	Gạc xấp tẩm Ag+ đắp vết thương (10x10cm)			
5.1		Gạc xấp tẩm Ag+ đắp vết thương (10x10cm)	Gạc xấp tẩm Ag+ đắp vết thương (10x10cm)	
6	Giấy Quỳ thử độ pH của nước ối			
6.1		Giấy Quỳ thử độ pH của nước ối	Giấy Quỳ thử độ pH của nước ối	
7	Ống xông khí dung thủy tinh (Ống xông mũi - họng)			
7.1		Ống xông khí dung thủy tinh (Ống xông mũi - họng)	Ống xông khí dung thủy tinh (Ống xông mũi - họng)	
8	Tấm lót trải bàn dụng cụ vô trùng			
8.1		Tấm lót trải bàn dụng cụ vô trùng	Tấm lót trải bàn dụng cụ bằng nylon PE trong, chống thấm nước. Kích thước: 60cm x 100cm. Tiệt trùng	
9	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dạng xịt			
9.1		Dung dịch khử khuẩn bề mặt dạng xịt	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dạng xịt được sử dụng để khử khuẩn các dụng cụ y tế. Thành phần: Hydrogen peroxide 4,5-4,9%. Chai 500ml	
10	Vòng nâng âm đạo Gellhorn			
10.1		Vòng nâng âm đạo Gellhorn	Vòng hình bát có núm ở phía dưới. Kt:38mm đến 80mm, Chất liệu Silicone cao cấp, mềm dẻo, an toàn cho cơ thể, không gây kích ứng; Bằng lực hút giữ núm và thành âm đạo để giữ từ cung sa ra ngoài	
11	Vòng nâng âm đạo Donut			
11.1		Vòng nâng âm đạo Donut	Vòng có hình tròn, dệt, có lỗ ở giữa kt 50mm đến 10mm; bơm hơi hoặc đúc đặc; chất liệu silicone y tế mềm mại.	
12	Vòng nâng cổ tử cung			
12.1		Vòng nâng cổ tử cung	Vòng dạng vòm/ vòng đôi, có lỗ để hạn chế tiết dịch. Kích thước: đường kính ngoài 65-75mm, đường kính trong 32-35mm, cao 21-30mm chất liệu silicone y tế	
13	Chỉ Catgut (6/0) kim tròn			
13.1		Chỉ Catgut (6/0) kim tròn	Số 6/0 kim tròn 1/2C, kim 15mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm.	Châu Âu, G7
14	Kim đẩy chỉ			

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
14.1		Kim đẩy chỉ	Kích cỡ 0.3x33mm và 0.35x45mm. Kim đẩy chỉ gồm phần đẩy chỉ đầu bằng và phần cán. Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ , có khả năng chống ăn mòn tốt. Vô trùng	
15	Khăn lau khử khuẩn bề mặt (không cồn)			
15.1		Khăn lau khử khuẩn bề mặt (không cồn)	Khăn tẩm dung dịch Quaternary ammonium compound (DUAL QUATS) $\geq 0.2\%$ và không chứa cồn. Làm sạch & khử khuẩn bề mặt, lau sơ bộ monitor máy thở trước khi ngâm làm sạch và khử khuẩn	
16	Acid Acetic			
16.1		Acid Acetic	Dung dịch Acid Acetic 3%. Chai 500ml	
17	Formaldehyde			
17.1		Formaldehyde	Thành phần chứa Formalin 10%	
18	Lugol 3%			
18.1		Lugol 3%	Dung dịch Lugol 3%. Chai 500ml	
19	Huyết thanh Coombs (Anti Human Globulin)			
19.1		Huyết thanh Coombs (Anti Human Globulin)	Huyết thanh dùng để phát hiện sự hiện diện của kháng thể hoặc bộ thể gắn trên bề mặt hồng cầu người	
20	Ống đo tốc độ lắng máu			
20.1		Ống đo tốc độ lắng máu	Ống đo tốc độ lắng máu 1,28ml (VSS)	
21	Bộ lèn ngang			
21.1		Bộ lèn ngang	Dùng để mở rộng miệng ống tùy và làm cho vách ống tùy thông suốt và trơn tru bằng cách giữa và làm sạch	
22	Cao su lấy dấu đặc			
22.1		Cao su lấy dấu đặc	Cao su đặc trộn tay lấy dấu răng	
23	Cao su lấy dấu lỏng			
23.1		Cao su lấy dấu lỏng	Cao su nhẹ bơm súng để lấy dấu vùng lẹm, vùng giảm nén hay lấy dấu sau cùng cho các phục hình tháo lắp toàn phần, bán phần và cố định	
24	Chi kẽm cột hàm 0,4mm			
24.1		Chi kẽm cột hàm 0,4mm	Chi kẽm đường kính 0.4 mm. Chất liệu thép không gỉ	
25	Cung cố định xương hàm			
25.1		Cung cố định xương hàm	Cung cố định xương hàm	
26	Đai Cellulo			
26.1		Đai Cellulo	Đai Cellulo dùng trong nha khoa	

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
27	Dụng cụ đánh bóng răng (hình đĩa, hình ly, hình trụ)			
27.1		Dụng cụ đánh bóng răng (hình đĩa, hình ly, hình trụ)	Dụng cụ đánh bóng composite (hình đĩa, hình ly, hình ngọn lửa)	
28	Kim khoan răng nội nha			
28.1		Kim khoan răng nội nha	Kim khoan răng dùng trong điều trị nội nha các cỡ	
29	Mũi cao su đánh bóng			
29.1		Mũi cao su đánh bóng	Đầu đánh bóng răng bằng silicon dùng trong trám răng composite. Chất liệu: phần đầu bằng silicone, phần thân bằng nhựa hoặc thép không gỉ. Chiều dài: khoảng 2.5- 3 cm	
30	Ống hút nước bọt			
30.1		Ống hút nước bọt	Kích thước: ống $\geq \varnothing 6,5$ mm - chiều dài ≥ 140 mm. Ống nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống.	
31	Thạch cao vàng			
31.1		Thạch cao vàng	Thạch cao vàng	
32	Thun chỉnh khớp cắn các cỡ			
32.1		Thun chỉnh khớp cắn các cỡ	Thun liên hàm được sử dụng trong chỉnh nha điều trị các loại sai khớp cắn	
33	Thuốc tê bôi nha khoa			
33.1		Thuốc tê bôi nha khoa	Thuốc tê bôi bề mặt dùng trong điều trị răng. Lọ 30g	
34	Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu			
34.1		Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu	Chất liệu nhựa sinh học polycaprolacton. Che đậy các lỗ khoan sọ, giúp phân bố mạch máu nhanh và đồng đều, thúc đẩy sự hình thành xương sọ. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương sọ tái tạo	
35	Nẹp lòng máng 1/3 các cỡ tương thích vít vò 3.5			
35.1		Nẹp lòng máng 1/3, vít đường kính 3.5mm, có cổ các cỡ	Chất liệu : thép không gỉ , 4-8 lỗ ứng với chiều dài 49-97mm, dày 1.5mm, rộng 10mm.dùng vít 3.5mm.	
35.2		Vít vò 3.5 các cỡ	Vít vò 3.5 các cỡ,với mỗi bước tăng 2.0 mm f 3.5 x 12- 46 mm (mỗi loại 20 ốc). Chất liệu thép không gỉ (Stainless Steel)	

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
36	Nẹp khóa đa hướng xương đòn S các cỡ tương thích vít 3.5/4.0			
36.1		Nẹp khóa đa hướng xương đòn S các cỡ	Chất liệu: titanium, 6-10 lỗ ứng với chiều dài 69-117mm. Dùng vít 3.5/4.0 mm, lỗ vít ở hai đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng. Thân nẹp hình chữ S, lỗ vít khóa hình tròn.	
36.2		Vít khoá 3.5/4.0 các cỡ	- Chiều dài 12 - 60mm, với mỗi bước tăng 2mm - Toàn ren (Full Thread) - Đường kính 3.5/4.0mm - Chất liệu: titanium	
36.3		Vít vỏ 3.5/4.0 các cỡ	Chất liệu: titanium. Chiều dài 12 - 60 mm, với mỗi bước tăng 2mm. Toàn ren. Đường kính 3.5/4.0mm.	
37	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay (trái, phải) các cỡ tương thích vít 2.7			
37.1		Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay (trái, phải) các cỡ	Chất liệu Titanium Dày từ 2-2.3mm, rộng từ 22-25.5mm Số lỗ đầu 7 lỗ. số lỗ thân từ 2-5 lỗ tương ứng dài từ 54-81mm. trái/phải riêng biệt Sử dụng với vít khóa 2.7mm	
37.2		Vít khoá 2.7 các cỡ	Chất liệu: Titanium, đường kính 2.7mm x chiều dài 6-30mm với mỗi bước tăng 2mm, 35-60mm với mỗi bước tăng 5mm toàn ren.	
38	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ tương thích vít 3.5/4.0			
38.1		Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn các cỡ	Chất liệu: titanium, 3-10 lỗ ứng với chiều dài 61-131mm. Dùng vít 3.5/4.0 mm, đầu nẹp có 2 lỗ vít khóa đa hướng.	
38.2		Vít khoá 3.5/4.0 các cỡ	Chiều dài 12 - 60mm, với mỗi bước tăng 2mm. Toàn ren (Full Thread). Đường kính 3.5/4.0mm. Chất liệu: titanium	
38.3		Vít vỏ 3.5/4.0 các cỡ	Chất liệu: titanium. Chiều dài 12 - 60 mm, với mỗi bước tăng 2mm. Toàn ren. Đường kính 3.5/4.0mm.	
39	Điện cực dán			
39.1		Điện cực dán	- Chất liệu: Điện cực có một mặt gel dẫn điện có keo acrylate, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG). Nền xốp kháng nước. - Đặc tính: Góc bo tròn, gel sử dụng ít chloride, nút điện cực có nắp bảo vệ. Độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đồ mỡ hôi. Dính tốt trên da lên đến 3 ngày.	Châu Âu, G7
40	Chỉ Polypropylene (2/0), kim tròn			
40.1		Chỉ Polypropylene (2/0), kim tròn	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm.	Châu Âu, G7
41	Chỉ tan tổng hợp đa sợi - Polyglactin (5/0)			
41.1		Chỉ tan tổng hợp đa sợi - Polyglactin (5/0)	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 17mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài từ 75cm.	Châu Âu, G7

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
42	Ống nghiệm EDTA nắp cao su			
42.1		Ống nghiệm EDTA nắp cao su	Ống nghiệm nhựa hình trụ đáy tròn, nắp cao su. Nhãn ống có vạch chia thể tích. Kích thước: 12-13 x 75mm Hóa chất bên trong là EDTA K2 kháng đông cho 2ml máu.	
43	Canuyn mở khí quản 2 nòng không có cửa sổ, có bóng sử dụng nhiều lần			
43.1		Canuyn mở khí quản 2 nòng không có cửa sổ, có bóng sử dụng nhiều lần	Mở khí quản 2 nòng có bóng, Ống được làm bằng nhựa polyurethane (PU), có cánh, không lỗ thông khí. Bộ bao gồm: ống mở khí quản có cân quang có bóng các số, 2 nòng trong, 01 dây cố định mở khí quản, 01 cây chôi vệ sinh nòng trong và nhãn ghi chú đi kèm	
44	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng			
44.1		Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Kim dẫn đường sắc bén. Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài ≥ 20 cm, 3 nòng, kích cỡ nòng: các cỡ. Đầu nối catheter có valve, tránh nhiễm khuẩn. Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	
45	Dây cưa sọ não 400mm			
45.1		Dây cưa sọ não 400mm	Chất liệu: Thép không gỉ. Thông số kỹ thuật: chiều dài 40cm, hai đầu bên khuyết tròn. dây bên 2 vòng xoắn quanh 2 sợi trục. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Châu Âu, G7
46	Mũ chụp đầu y tế			
46.1		Mũ chụp đầu y tế	Nón dạng tròn. Vải không dệt. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng cái	
47	Test nhanh HCV			
47.1		Test nhanh HCV	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu kháng HCV.	
48	ĐAI CỘT SỐNG			
48.1		ĐAI CỘT SỐNG	Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm. Băng nhám dính (có khóa), vải mút mềm, thun đàn hồi.	
49	Vật liệu cầm máu 80x15x20			
49.1		Vật liệu cầm máu 80x15x20	Vật liệu cầm máu sử dụng sau phẫu thuật mũi xoang (80x15x20mm)	
50	Bộ túi cho ăn nhỏ giọt			
50.1		Bộ túi cho ăn nhỏ giọt	Túi cho ăn nhỏ giọt. Làm bằng nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP có kèm dây truyền, cổng nối tiêu chuẩn. Thể tích 1200ml. Tiệt trùng bằng khí EO	
51	Bộ dây giúp thở oxy dòng cao (Gồm Dây thở + Bình làm ẩm)			
51.1		Bộ dây giúp thở oxy dòng cao (Gồm Dây thở + Bình làm ẩm)	Bộ dây thở oxy dòng cao kem buồng làm ẩm, làm ẩm (HFNC) tương thích với máy thở oxy dòng cao (HFNC) model HF7 hoặc tương đương	

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
52	Túi thảo dược chườm nóng			
52.1		Túi thảo dược chườm nóng	Túi thảo dược chườm nóng	
53	Kim tiêm nội soi cầm máu			
53.1		Kim tiêm cầm máu dùng trong nội soi	Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm - Chiều dài làm việc: 1650mm/2300mm - Chiều dài mũi kim: 4mm - Đường kính kênh tối thiểu ống nội soi: 2,8 mm - Đường kính kim: 23G - Đầu TIP bằng kim loại - Tay cầm bằng nhựa - Đạt tiêu chuẩn CE và ISO 13485	Châu Âu, G7
54	Kẹp cầm máu dùng một lần			
54.1		Kẹp cầm máu dùng một lần	Kẹp clip cầm máu dùng cho nội soi: - Góc ngàm từ 0 độ đến 135 độ - Chiều dài clip: 9mm - Chất liệu bằng thép không gỉ, dùng được với dụng cụ đặt clip/ cán chuyên dụng. - Tương thích với Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng của Bệnh viện (Model: CV-170 Olympus/Nhật Bản)	Châu Âu, G7
55	Vòng thắt polyp			
55.1		Vòng thắt polyp	Vòng thắt polyp - Chiều dài làm việc: 230 cm phù hợp ống soi có kênh $\geq 2,8$ mm - Đường kính vòng mở: Ø 30 mm	Châu Âu, G7
56	Thông lọng cắt polyp hình oval			
56.1		Thông lọng cắt polyp hình oval	Dùng để cắt polyp trong dạ dày và đại tràng - Tương thích kênh làm việc: 2,8mm - Thông lọng có vỏ bọc nhựa, chiều dài 230 cm. - Đường kính lọng cắt: 15-25mm - Đường kính dây (độ dày dây): 0,47 mm - Đầu thông lọng bằng thép không gỉ xoắn nối nhau, có kênh nhiệt - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Châu Âu, G7
57	Thông lọng cắt polyp hình lục giác			
57.1		Thông lọng cắt polyp hình lục giác	Dùng để cắt polyp trong dạ dày và đại tràng - Dạng lục giác, có lớp phủ, dây mỏng và cứng, có tay cầm kết nối với máy cắt đốt cao tần, có nhãn nóng/lạnh - Chiều dài làm việc: 230cm - Độ mở lọng thắt: 10mm/ 15mm - Tương thích kênh làm việc: 2,8mm - Đường kính dây vòng lọng: 0.3mm	Châu Âu, G7

Hạng mục số	Tên phần lô	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Nhóm nước
58	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản			
58.1		Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Gồm: Kim rửa, dây dẫn, dây kích hoạt đôi, tay quay, đầu buộc, nòng có 7 vòng cài sẵn. - Thiết kế dây đôi, dài 150cm - Vòng thắt bằng cao su y tế. - Tay quay thiết kế 2 chiều, được làm bằng ABS và thép không gỉ. - Nòng chứa vòng thun bằng PC trong suốt. - Đường kính: 8.6 – 13mm, tương thích đường kính ống soi 2.8mm.	
59	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản			
59.1		Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt được làm từ chất liệu cao su tự nhiên, với thiết kế 1 đầu thắt gồm 7 vòng thắt được lắp sẵn, dây tri-gơ 0.2mm. Đường kính kênh phụ kiện tối thiểu: 2.8mm. Đường kính ống soi tương thích: từ 8.6mm đến 13mm Chiều dài dây thắt: 150cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	
60	Cannula mũi các số			
60.1		Cannula mũi các số	- Sử dụng với lưu lượng Oxy âm thấp hoặc cao với kháng lực dòng tương ứng: + 0.446 cmH ₂ O/ L/ phút: 2.5 LPM + 0.230 cmH ₂ O/ L/ phút: 15 LPM - Kích thước được mã hóa màu khác nhau với khoảng cách vách ngăn từ 2.5 mm đến 7.75 mm và đường kính ngoài nhánh thở từ 3.3 mm đến 6.5 mm - Đi kèm đầu nối oxy 15mm (oxygen tubing adapter) - Chất liệu của ống & ngành cannula cùng bộ chuyển đổi 15mm: PVC hoặc tương đương - Chất liệu vòng chữ O: Silicone - Chất liệu bộ chuyển đổi oxy: Acrylic	Châu Âu, G7

*** Ghi chú: “Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng tương đương hoặc ưu việt hơn so với yêu cầu tối thiểu. Tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật đối với:

- + Chứng nhận tiêu chuẩn: Tương đương về hệ thống quản lý chất lượng.
- + Vật liệu, thành phần: Tương đương về tính chất; thuộc tính; công năng.
- + Hàm lượng, nồng độ, tính chất: Tương đương về công năng sử dụng.”.

1.3. Các yêu cầu khác

– Hạn dùng:

Nhà thầu cam kết đối với hàng hóa có hạn sử dụng tính từ thời điểm cung ứng đến cơ sở y tế phải đảm bảo tối thiểu còn:

+ Tối thiểu còn ≥ 18 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng >36 tháng;

+ Tối thiểu còn ≥ 12 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ > 18 tháng đến ≤ 36 tháng;

+ Tối thiểu còn ≥ 6 tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ > 12 tháng đến ≤ 18 tháng;

+ Có thời hạn còn $\frac{1}{2}$ thời hạn sử dụng đối với các mặt hàng có hạn dùng ≤ 12 tháng hoặc được sự chấp thuận của người sử dụng;

+ Đối với hàng hóa không ghi hạn sử dụng phải được sản xuất từ năm 2023 trở đi;

Trừ trường hợp đặc biệt, nhà thầu thương thảo với chủ đầu tư, cụ thể: với lý do khách quan, nhà thầu không cung ứng đúng hạn dùng trên thì phải có văn bản thông báo trong Hồ sơ dự thầu hoặc có văn bản thông báo trong từng đợt cung cấp hàng và được sự đồng ý bằng văn bản của chủ đầu tư.

– Thời gian giao hàng: Giao hàng nhiều đợt theo đúng đơn hàng yêu cầu của bên mua; thời gian giao hàng cho mỗi đợt tối đa không quá 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của bên mua bằng văn bản. Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đột xuất cho cấp cứu, chống dịch .v.v. bắt buộc giao hàng tại kho bên mua không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu qua Fax, E-mail. Giao hàng trong giờ hành chính.

– Nhà thầu phải cam kết thu hồi hàng hóa và/hoặc thay thế, đổi trả 1:1 trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của Cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của đơn vị mua hàng.

– Nhà thầu cung cấp trong E-HSDT bảng thông tin kê khai về đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa dự thầu (Mẫu số 1) và Thông tin về nhà thầu (Mẫu số 2) như sau:

Mẫu số 1 ((File excel đính kèm)

BẢNG ĐÁP ỨNG VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA DỰ THẦU

DANH MỤC MỜI THẦU							HÀNG HÓA DỰ THẦU										
STT Mặt hàng	Mã phân lô theo E- HSMT	Tên danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật (1)	Nhóm nước	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	Số lưu hành /Số giấy phép nhập khẩu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Mã vật tư y tế theo QĐ 5086/QĐ-BYT hoặc TT số 04/2017/TT-BYT (nếu có)

*** Ghi chú:

Tất cả thông tin về hàng hóa dự thầu Nhà thầu kê khai thống nhất với thông tin trong BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA (Mẫu số 12.1A webform trên Hệ thống). Trường hợp thông tin của hàng hóa trong Mẫu số 1 có sự sai khác so với Mẫu số 12.1A thì thông tin trong mẫu 12.1A webform trên Hệ thống là cơ sở để đánh giá E-HSDT.

(1) “Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng tương đương hoặc ưu việt hơn so với yêu cầu tối thiểu. Tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật đối với:

- + Chứng nhận tiêu chuẩn: Tương đương về hệ thống quản lý chất lượng.
- + Vật liệu, thành phần: Tương đương về tính chất; thuộc tính; công năng.
- + Hàm lượng, nồng độ, tính chất: Tương đương về công năng sử dụng.”.

Mẫu số 2 ((File excel đính kèm)

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

TT	Tên nhà thầu	Tên nhà thầu liên danh (nếu có)	Mã thông tin trên hệ thống đấu thầu Quốc gia	Số đăng ký kinh doanh	Số phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện mua bán TTBYT	Mã số thuế	Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu	Họ và tên người đại diện hợp pháp	Chức vụ	Số điện thoại của người đại diện hợp pháp	Số điện thoại liên hệ trong quá trình đấu thầu	Email liên hệ quá trình đấu thầu	Số điện thoại đặt hàng	Email đặt hàng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
...			vn010512690...											

Ghi chú: Đối với Nhà thầu liên danh: Mỗi thành viên cần kê khai chi tiết riêng mỗi dòng.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra về cảm quan hàng hoá; thử nghiệm về tính năng và sự tương thích, phù hợp với yêu cầu, thiết bị thực tế hiện có đối với mẫu hàng khi bên mời thầu thấy cần thiết.
- Bên mời thầu, trong quá trình tiếp nhận hàng hoá sau khi đã công bố kết quả đấu thầu, trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, có toàn quyền duy trì sự kiểm tra và thử nghiệm, các hàng hoá không đáp ứng yêu cầu sẽ bị từ chối tiếp nhận.